

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2023

“V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Lan và ông Vũ Đăng Đông.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; HKTT: Thôn BT, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Đội A, thôn XH, xã ĐX, huyện NG, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Trần Thanh B, sinh năm 1982; HKTT: Thôn BT, xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Lê Thị Tuyết Hồng M, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn BT, xã LX, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh B, bà M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc với Tòa án, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Thanh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 12/6/2009 tại Ủy ban nhân dân xã LX, huyện BG, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh B tại thôn BT, xã LX. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh B không chung thủy với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, to tiếng, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã ĐX, huyện NG sinh sống từ năm 2011 đến nay không quay lại chung sống cùng anh B. Trong thời gian ly thân, giữa chị và anh B không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Trần Quang H, sinh năm 2010, ở cùng với chị từ nhỏ cho đến nay. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị đang làm công nhân cho một công ty ở Ninh Giang, thu nhập bình quân là 6.000.000^d/tháng. Chị và con chung đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị, nhà cửa rộng rãi đầy đủ tiện nghi đảm bảo sinh hoạt cho các thành viên trong gia đình.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Thanh B: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập anh B đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B; được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không thực hiện các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho Tòa án, làm vụ án bị kéo dài, giảm tính nghiêm minh của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L: cho chị L ly hôn anh B. Giao cho chị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Quang H kể từ tháng 6/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh B không đề nghị giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh B đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh B đều vắng mặt không có lý do; chị L đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai song anh B vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 207, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nơi sinh sống của anh B tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/6/2009, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh B và chị L là hợp pháp.

Do mâu thuẫn, chị L và anh B đã sống ly thân từ năm 2011 (chị L và con về sống cùng bố mẹ đẻ chị tại xã Đông Xuyên, huyện Ninh Giang), vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị Tuyết Hồng M - mẹ đẻ anh B và xác minh đối với Trưởng thôn BT, xã LX - nơi anh B, chị L sinh sống trước khi ly thân, tất cả đều xác định: anh B, chị L sống ly thân nhiều năm nay, trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ năm 2011 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh B.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16/6/2010, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Trần Quang H do chị L trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ, cháu đang là học sinh trường THCS Đông Xuyên; chị L đang làm công nhân cho công ty gần nơi cư trú, thu nhập ổn định khoảng 6.000.000 đồng/tháng, nơi ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi..., đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục con chung phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh B không có quan điểm, đề đạt nguyện vọng nuôi con trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và đáp ứng nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho

chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu, anh B không có quan điểm nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trần Thanh B.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Quang H, sinh ngày 16/6/2010 (hiện đang ở cùng chị L), kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Trần Thanh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2021/0002258 ngày 23/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, chị L đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Long Xuyên, huyện Bình Giang;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Nam